TINOCHEM SQ-B

Chất càng hóa dạng bột.

Đặc tính kỹ thuật

TINOCHEM SQ-B là chất càng hóa cho tất cả các quy trình xử lý ướt, có hiệu quả phân tán và tạo phức nổi bật với các ion kim loại nặng, ngăn ngừa sự hình thành các Sillicate không tan trong dung dịch.

- Khác với các loại càng thông thường khác chỉ tạo phức với một số ion kim loại chính như Ca^{2+}, Mg^{2+}, thì ***TINOCHEM SQ-B*** có khả năng tạo phức rất mạnh và hiệu quả với hầu hết các ion kim loại nặng chính như : Ca^{2+},Mg^{2+},Cu^{2+},Fe^{2+},Mn^{2+}…

- Ứng dụng rộng rãi và hiệu quả cho tất cả các quy trình xử lý ướt như: Rủ hồ, tiền xử lý nấu tẩy, tẩy trắng, nhuộm (PES hoặc Cotton), giặt xả sau nhuộm…

- Nhờ những tác động ngăn chặn xuất sắc của ***TINOCHEM SQ-B*** trong Bain tẩy H_2O_2, nên nó giúp ngăn ngừa thành công những rắc rối thường gặp do sự kết lắng trở lại của các tạp chất không tan lên trên mặt vải và bề mặt thiết bị.

- Khả năng tạo phức hiệu quả với các ion kim loại nặng nên nó vô hiệu hóa các ion Ca^{2+},Mg^{2+},Cu^{2+},Fe^{2+}…trong bain tẩy H_2O_2, giúp ngăn ngừa các sự cố và cải thiện việc tẩy trắng hiệu quả.

- Khả năng phân tán rất tốt các tạp chất được tẩy bong ra trong quá trình (nấu) tẩy tiền xử lý hoặc các tạp chất trong sợi Cotton. Vì vậy, các tạp chất này có thể dễ dàng giặt sạch trong công đoạn giặt xả tiếp theo.

- Không bọt mà cũng không gặp khó khăn khi sử dụng. Đây cũng là chất ức chế sự ăn mòn kim loại.

Tính chất

- Ngoại quan : Dạng bột trắng mịn.
- Thành phần : Hỗn hợp các chất với thành phần chính là Ethylenediaminetetraacetic acid.
- Tính ion : Anion.
- pH (Dung dịch 1%, ở 20^oC) : 11.5 ± 0.5
- Tính tạo bọt : Không.
- Tính hòa tan : Dễ dàng hòa tan trong nước lạnh với mọi tỉ lệ.
- Vật liệu nền : Tất cả các mặt hàng dệt từ sợi thiên nhiên, sợi tổng hợp và hỗn hợp sợi pha của chúng.
- Tính ổn định đối với
  - Nước cứng: Rất tốt, kể cả khi tiềm ẩn Ca/Mg/Fe/Cu.
  - Acid: Rất ổn định (ngay cả với pH< 2).
  - Kiềm: Rất ổn định (với pH=14, NaOH $36^oBé$)
- Tính kết hợp với
  - Các chất Anion/ Nonion: Rất tốt.
  - Các chất Cation: Có thể bất ổn , cần thử nghiệm trước.

TINOCHEM SQ-B

Chất càng hóa dạng bột.

Ứng dụng

TINOCHEM SQ-B cung cấp các lợi ích sau đây, đặc biệt là:

- Tăng tính thấm nước cho vải lên đáng kể.
- Cải thiện độ trắng cho vải một cách đặc biệt sau công đoạn tẩy.
- Cải thiện tốt hơn độ bền xé,độ bền sức căng.
- Đạt hiệu quả tối ưu cho bể dung dịch xử lý.

Dưới đây là lượng sử dụng hiệu quả cho tất cả các mặt hàng Cotton, PES, len, PA…và hỗn hợp sợi pha của chúng cho từng công đoạn cụ thể:

- ***Rủ hồ:***

Sự tạo phức với các ion kim loại có thể khử hoạt tính α-Amylase.
Phân tán tốt hồ P.V.A, hồ Acrylic không tan…giúp ngăn ngừa sự kết lắng trở lại của chúng lên bề mặt vải và thiết bị. Đạt hiệu quả tối ưu cho việc tẩy rủ hồ.
Lượng sử dụng : 0.5 – 1.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.***

- ***Làm bóng :***

Việc càng hóa các ion kim loại có trong sợi Cotton giúp cải thiện độ bền xé, độ bền sức căng, độ sáng bóng, khả năng thấm hút cho vải. Ngăn ngừa sự kết tủa trở lại của các tạp chất sau khi làm bóng. Đạt hiệu quả làm bóng tối ưu.
Lượng sử dụng : 2.0 – 4.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.***

- ***Nấu tẩy tiền xử lý (Trong môi trường Kiềm ở 100^{o}C):***

Cải thiện đáng kể tính thấm nước và cảm giác tay tốt hơn cho vải. Ngăn ngừa sự kết tủa trở lại các loại sáp, dầu mỡ, pectin và các tạp chất khác trên tất cả các loại vải. Vì vậy, hạn chế đến mức thấp nhất các khó khăn có thể xảy ra trong việc nhuộm và hoàn tất vải. Ngoài ra, việc giặt liên tục sợi len giúp rủ sạch các dầu mỡ, tạp chất trong sợi cải thiện độ trắng sáng.

Lượng sử dụng : - 0.5 – 2.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.*** (Quy trình gián đoạn).
- 1.0 – 3.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.*** (Quy trình liên tục).

- ***Khử khoáng cho sợi Cotton và các loại sợi thiên nhiên khác:***

Lượng sử dụng : - 0.5 – 2.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.*** (Quy trình gián đoạn).
- 1.0 – 3.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.*** (Quy trình liên tục).

- ***Tẩy với Hydrogen Peroxide:***

Đạt hiệu quả tối ưu về độ trắng và tính thấm nước cho vải sau xử lý.

Lượng sử dụng : - 0.5 – 2.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.*** (Quy trình gián đoạn).
- 1.0 – 4.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.*** (Quy trình liên tục).

- ***Nhuộm :***

Thúc đẩy khả năng hòa tan của thuốc mhuộm, ngăn ngừa vết dính màu và sự kết tủa của thuốc nhuộm. Có tính năng càng hóa và phân tán các chất không tan mà gây ảnh hưởng xấu đến quá trình nhuộm. Cải thiện đặc tính phân tán và đều màu cho hầu hết các thuốc nhuộm. Hiệu quả càng hóa và đều màu sẽ được cải thiện thêm nhiều khi kết hợp sử dụng với các chất đều màu khác. Lượng sử dụng tùy thuộc vào các yếu tố khác nhau.

Lượng đề nghị : 0.5 – 1.0 g/l ***TINOCHEM SQ-B.***

TINOCHEM SQ-B

Chất càng hóa dạng bột.

Thử nghiệm

1. ***Sự tạo phức với các ion kim loại nặng :***
   Độ cứng của nước thử nghiệm : 60 ppm.

	TINOCHEM SQ-B			Competitor A			Competitor B		
Lượng sử dụng (ml/l)	0.5	1.0	2.0	0.5	1.0	2.0	0.5	1.0	2.0
Khả năng tạo phức (ppm)	12	18	36	10	18	36	5	10	20

2. ***Hiệu quả ngăn ngừa sự kết lắng của các tạp chất không tan :***

	TINOCHEM SQ-B	Competitor A	Competitor B
$CaCl_2$: 0.41 g/l (Ca 150 ppm)	+++	+++	++
$MgCl_2$: 0.84 g/l (Mg 100 ppm)	+++	++	X
$CuSO_4$: 0.12 g/l (Cu 30 ppm)	+++	X	+++
$FeCl_3$: 0.15 g/l (Fe 30 ppm)	+++	X	+++

Với NaOH (50%) : 4ml/l

+++ : Xuất sắc ++ : Tốt X : Có kết lắng.

Tính hiệu quả trong việc ngăn ngừa sự kết lắng của các tạp chất không tan là một trong những yếu tố quan trọng đối với một chất càng hóa có chất lượng tốt nhất. Một vài chất càng hóa có thể có hiệu quả tạo phức tương tự. Tuy nhiên, phần lớn trong số chúng có hiệu quả rất thấp trong việc ngăn ngừa sự kết lắng của các tạp chất không tan. Sự kết lắng của các tạp chất không tan này lên trên mặt vải và bề mặt các bộ phận thiết bị sẽ đem lại nhiều điều rắc rối, phiền hà và các ảnh hưởng tiêu cực cho các công đoạn xử lý khác nhau tiếp theo.

TINOCHEM SQ-B ngăn ngừa được những rắc rối thường gặp và các ảnh hưởng tiêu cực trong các công đoạn xử lý là nhờ vào hiệu quả liên kết xuất sắc của nó với các ion kim loại nặng và hiệu quả ngăn ngừa nổi bật của nó đối với sự kết lắng của các tạp chất không tan.

Bảo quản & Đóng gói

- Bảo quản và lưu trữ ở nhiệt độ từ 5 – 30^{o}C. Tránh những nơi nóng, ẩm và quá lạnh.
- Ổn định sử dụng trong 12 tháng ở nhiệt độ phòng.
- 50 Kg / thùng nhựa.